

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐĂNG KÝ PHÚC KHẢO ĐIỂM THI KTHP  
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025 - ĐỢT 2

| STT | Lớp       | Mã sinh viên | Họ và tên sinh viên |       | Ngày sinh  | Mã học phần | Tên học phần                   | Số tín chỉ | Ghi chú |
|-----|-----------|--------------|---------------------|-------|------------|-------------|--------------------------------|------------|---------|
| 1   | 50K01.1   | 241121601115 | Nguyễn Ngọc         | Hữu   | 03/04/2006 | SMT1008     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2          |         |
| 2   | 50K01.1   | 241121601119 | Nguyễn Bảo Chi      | Linh  | 31/05/2006 | SMT1008     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2          |         |
| 3   | 50K01.1-E | 241121699105 | Nguyễn Lê Thiên     | Anh   | 22/08/2006 | ENG2018     | English Composition B2         | 3          |         |
| 4   | 50K01.2   | 241121601212 | Dương Nguyễn Thúy   | Hiền  | 08/08/2006 | SMT1008     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2          |         |
| 5   | 50K01.2   | 241121601220 | Nguyễn Hữu          | Long  | 15/09/2006 | SMT1008     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2          |         |
| 6   | 50K01.3   | 241121601301 | Huỳnh Quỳnh         | Anh   | 28/03/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 7   | 50K01.3   | 241121601329 | Nguyễn Lê Quỳnh     | Như   | 02/12/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 8   | 50K01.4   | 241121601413 | Bạch Trọng          | Hoàng | 18/09/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 9   | 50K01.4   | 241121601416 | Trịnh Hồng          | Lam   | 17/04/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 10  | 50K01.4   | 241121601433 | Thái Thành          | Tiền  | 10/02/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 11  | 50K01.4   | 241121601433 | Thái Thành          | Tiền  | 10/02/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương            | 2          |         |
| 12  | 50K01.4   | 241121601433 | Thái Thành          | Tiền  | 10/02/2006 | MIS1002     | Tin học ứng dụng trong quản lý | 3          |         |
| 13  | 50K01.4   | 241121601439 | Phạm Hà Bảo         | Uyên  | 07/09/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 14  | 50K02.1   | 241121302110 | Hồ Thị              | Giang | 11/01/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 15  | 50K02.1   | 241121302110 | Hồ Thị              | Giang | 11/01/2006 | MAT1001     | Toán ứng dụng trong kinh tế    | 3          |         |
| 16  | 50K02.1   | 241121302112 | Nguyễn Hương        | Giang | 10/03/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 17  | 50K02.1   | 241121302112 | Nguyễn Hương        | Giang | 10/03/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương            | 2          |         |
| 18  | 50K02.1   | 241121302112 | Nguyễn Hương        | Giang | 10/03/2006 | MAT1001     | Toán ứng dụng trong kinh tế    | 3          |         |
| 19  | 50K02.1   | 241121302119 | Lê Nguyễn Bảo       | Linh  | 26/01/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương            | 2          |         |
| 20  | 50K02.1   | 241121302119 | Lê Nguyễn Bảo       | Linh  | 26/01/2006 | MAT1001     | Toán ứng dụng trong kinh tế    | 3          |         |
| 21  | 50K02.2   | 241121302205 | Nguyễn Thị Ngọc     | Diệp  | 29/06/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                  | 3          |         |
| 22  | 50K02.2   | 241121302205 | Nguyễn Thị Ngọc     | Diệp  | 29/06/2006 | MGT1002     | Quản trị học                   | 3          |         |
| 23  | 50K02.2   | 241121302206 | Vi Thị Huyền        | Diệu  | 16/08/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 24  | 50K02.2   | 241121302206 | Vi Thị Huyền        | Diệu  | 16/08/2006 | MAT1001     | Toán ứng dụng trong kinh tế    | 3          |         |

| STT | Lớp     | Mã sinh viên | Họ và tên sinh viên          | Ngày sinh  | Mã học phần | Tên học phần                   | Số tín chỉ | Ghi chú |
|-----|---------|--------------|------------------------------|------------|-------------|--------------------------------|------------|---------|
| 25  | 50K02.2 | 241121302217 | Đỗ Đình Đăng      Khôi       | 29/11/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 26  | 50K02.2 | 241121302235 | Đặng Thị Hoài      Thương    | 10/09/2006 | MAT1001     | Toán ứng dụng trong kinh tế    | 3          |         |
| 27  | 50K02.2 | 241121302234 | Phạm Nguyễn Hoài      Thương | 29/08/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                  | 3          |         |
| 28  | 50K02.2 | 241121302234 | Phạm Nguyễn Hoài      Thương | 29/08/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 29  | 50K02.2 | 241121302239 | Trần Thị Kiều      Trang     | 22/07/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                  | 3          |         |
| 30  | 50K02.2 | 241121302239 | Trần Thị Kiều      Trang     | 22/07/2006 | MAT1001     | Toán ứng dụng trong kinh tế    | 3          |         |
| 31  | 50K02.2 | 241121302242 | Nguyễn Thị      Uyên         | 10/01/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 32  | 50K03.1 | 241121703101 | Đặng Quỳnh      Anh          | 05/07/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 33  | 50K03.1 | 241121703124 | Trần Nguyên      Nhi         | 29/05/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                  | 3          |         |
| 34  | 50K03.1 | 241121703144 | Đỗ Hoàng      Việt           | 06/01/2006 | MGT1002     | Quản trị học                   | 3          |         |
| 35  | 50K03.2 | 241121703223 | Trần Bình      Khoa          | 06/07/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                  | 3          |         |
| 36  | 50K04   | 241121104108 | Trương Hồng      Giang       | 09/06/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 37  | 50K04   | 241121104131 | Nguyễn Ngọc Khánh      Quỳnh | 30/11/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 38  | 50K04   | 241121104139 | Nguyễn Thị Thùy      Tiên    | 17/11/2006 | MAT1001     | Toán ứng dụng trong kinh tế    | 3          |         |
| 39  | 50K05   | 241121505105 | Đào Thị Hồng      Giang      | 20/06/2006 | MIS1002     | Tin học ứng dụng trong quản lý | 3          |         |
| 40  | 50K05   | 241121505147 | Nguyễn Trường      Vỹ        | 14/08/2006 | MIS1002     | Tin học ứng dụng trong quản lý | 3          |         |
| 41  | 50K06.1 | 241121006135 | Nguyễn Cửu Quỳnh Trâm        | 15/02/2006 | MAT1001     | Toán ứng dụng trong kinh tế    | 3          |         |
| 42  | 50K06.2 | 241121006202 | Mã Thị Phú      An           | 05/09/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                  | 3          |         |
| 43  | 50K06.2 | 241121006203 | Võ Phương      Anh           | 24/06/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương            | 2          |         |
| 44  | 50K06.2 | 241121006234 | Hoàng Thị Minh      Nguyệt   | 16/02/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                  | 3          |         |
| 45  | 50K06.2 | 241121006234 | Hoàng Thị Minh      Nguyệt   | 16/02/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương            | 2          |         |
| 46  | 50K06.2 | 241121006234 | Hoàng Thị Minh      Nguyệt   | 16/02/2006 | MAT1001     | Toán ứng dụng trong kinh tế    | 3          |         |
| 47  | 50K06.2 | 241121006256 | Nguyễn Ánh      Tuyết        | 23/02/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                  | 3          |         |
| 48  | 50K06.2 | 241121006256 | Nguyễn Ánh      Tuyết        | 23/02/2006 | MKT2001     | Marketing căn bản              | 3          |         |
| 49  | 50K06.3 | 241121006311 | Đoàn Thị Hương      Giang    | 05/05/2006 | MAT1001     | Toán ứng dụng trong kinh tế    | 3          |         |
| 50  | 50K06.3 | 241121006354 | Hà Thị Thùy      Trang       | 17/07/2006 | SMT1008     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2          |         |
| 51  | 50K06.3 | 241121006355 | Nguyễn Nhật      Trúc        | 21/07/2006 | SMT1008     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2          |         |

| STT | Lớp     | Mã sinh viên | Họ và tên sinh viên  | Ngày sinh  | Mã học phần | Tên học phần                          | Số tín chỉ | Ghi chú |
|-----|---------|--------------|----------------------|------------|-------------|---------------------------------------|------------|---------|
| 52  | 50K06.4 | 241121006407 | Nguyễn Tiến Đạt      | 26/12/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                         | 3          |         |
| 53  | 50K06.4 | 241121006416 | Đổng Thị Thùy Hương  | 19/01/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương                   | 2          |         |
| 54  | 50K06.4 | 241121006416 | Đổng Thị Thùy Hương  | 19/01/2006 | MIS1002     | Tin học ứng dụng trong quản lý        | 3          |         |
| 55  | 50K06.4 | 241121006418 | Ngô Hữu Kiên         | 24/07/2006 | MAT1001     | Toán ứng dụng trong kinh tế           | 3          |         |
| 56  | 50K06.6 | 241121006620 | Phan Thị Linh        | 10/11/2006 | MAT1001     | Toán ứng dụng trong kinh tế           | 3          |         |
| 57  | 50K07.1 | 241121407113 | Bùi Diệu Linh        | 10/11/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                         | 3          |         |
| 58  | 50K07.1 | 241121407217 | Nguyễn Thùy Linh     | 12/07/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                         | 3          |         |
| 59  | 50K07.1 | 241121407130 | Đặng Anh Thư         | 11/10/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương                   | 2          |         |
| 60  | 50K07.2 | 241121407222 | Phạm Thị Thúy Nga    | 20/06/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                         | 3          |         |
| 61  | 50K07.2 | 241121407234 | Hồ Thị Phương Thảo   | 19/07/2006 | MKT2001     | Marketing căn bản                     | 3          |         |
| 62  | 50K07.2 | 241121407240 | Nguyễn Thị Bích Thùy | 29/01/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                         | 3          |         |
| 63  | 50K07.2 | 241121407241 | Đồng Thị Nhật Tien   | 16/08/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                         | 3          |         |
| 64  | 50K08.3 | 241124008333 | Trần Thị Phương Thảo | 29/01/2006 | MIS1002     | Tin học ứng dụng trong quản lý        | 3          |         |
| 65  | 50K12   | 241123012119 | Phạm Minh Thúy       | 15/10/2005 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                         | 3          |         |
| 66  | 50K13.1 | 241120913113 | Lê Thị Mỹ Duyên      | 27/03/2006 | LAW2002     | Lý luận chung Nhà nước và pháp luật 2 | 3          |         |
| 67  | 50K13.1 | 241120913113 | Lê Thị Mỹ Duyên      | 27/03/2006 | SMT1005     | Triết học Mác - Lênin                 | 3          |         |
| 68  | 50K13.1 | 241120913163 | Trần Vũ Nguyên Tùng  | 14/10/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                         | 3          |         |
| 69  | 50K13.2 | 241120913212 | Huỳnh Thị Hải Dương  | 17/09/2005 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                         | 3          |         |
| 70  | 50K13.2 | 241120913212 | Huỳnh Thị Hải Dương  | 17/09/2005 | SMT1005     | Triết học Mác - Lênin                 | 3          |         |
| 71  | 50K13.2 | 241120913213 | Nguyễn Mai Duyên     | 30/06/2006 | LAW2002     | Lý luận chung Nhà nước và pháp luật 2 | 3          |         |
| 72  | 50K13.2 | 241120913233 | Nguyễn Hồng Ngọc     | 22/12/2006 | LAW2002     | Lý luận chung Nhà nước và pháp luật 2 | 3          |         |
| 73  | 50K13.2 | 241120913236 | Lê Đức Anh Nhật      | 28/07/2006 | ENGELE1     | English Elementary 1                  | 3          |         |
| 74  | 50K13.2 | 241120913237 | Trần Thị Ý Nhi       | 02/01/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                         | 3          |         |
| 75  | 50K14.1 | 241121514133 | Dương Văn Nhật Minh  | 07/03/2006 | MGT1002     | Quản trị học                          | 3          |         |
| 76  | 50K14.1 | 241121514138 | Ngô Thành Nam        | 31/01/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                         | 3          |         |
| 77  | 50K14.2 | 241121514202 | Huỳnh Thị Kim Anh    | 23/05/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương                   | 2          |         |
| 78  | 50K14.2 | 241121514210 | Đinh Vũ Tấn Dũng     | 24/12/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                         | 3          |         |

| STT | Lớp        | Mã sinh viên | Họ và tên sinh viên    | Ngày sinh  | Mã học phần | Tên học phần                          | Số tín chỉ | Ghi chú |
|-----|------------|--------------|------------------------|------------|-------------|---------------------------------------|------------|---------|
| 79  | 50K14.2    | 241121514210 | Đinh Vũ Tấn Dũng       | 24/12/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương                   | 2          |         |
| 80  | 50K14.2    | 241121514239 | Trương Phan Như Ngọc   | 12/05/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương                   | 2          |         |
| 81  | 50K14.2    | 241121514264 | Phạm Thị Ngọc Trâm     | 11/01/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương                   | 2          |         |
| 82  | 50K14.2    | 241121514275 | Lê Quang Vinh          | 12/10/2006 | MIS1002     | Tin học ứng dụng trong quản lý        | 3          |         |
| 83  | 50K15.1    | 241122015117 | Nguyễn Thảo Linh       | 16/02/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                         | 3          |         |
| 84  | 50K15.1    | 241122015117 | Nguyễn Thảo Linh       | 16/02/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương                   | 2          |         |
| 85  | 50K15.1    | 241122015127 | Nguyễn Phan Minh Ngọc  | 05/10/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương                   | 2          |         |
| 86  | 50K15.1    | 241122015128 | Nguyễn Lê Bảo Nguyên   | 12/09/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                         | 3          |         |
| 87  | 50K15.2    | 241122015247 | Trần Hoàng Như Quỳnh   | 26/06/2006 | MAT1001     | Toán ứng dụng trong kinh tế           | 3          |         |
| 88  | 50K15.2    | 241122015258 | Dương Thị Hoài Thương  | 12/10/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương                   | 2          |         |
| 89  | 50K15.2    | 241122015258 | Dương Thị Hoài Thương  | 12/10/2006 | MAT1001     | Toán ứng dụng trong kinh tế           | 3          |         |
| 90  | 50K15.2    | 241122015267 | Phạm Thị Ngân Vang     | 02/02/2006 | MKT2001     | Marketing căn bản                     | 3          |         |
| 91  | 50K15.2    | 241122015267 | Phạm Thị Ngân Vang     | 02/02/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương                   | 2          |         |
| 92  | 50K17.1    | 241121317110 | Võ Thị Minh Hiền       | 29/11/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                         | 3          |         |
| 93  | 50K17.1    | 241121317110 | Võ Thị Minh Hiền       | 29/11/2006 | SMT1005     | Triết học Mác - Lênin                 | 3          |         |
| 94  | 50K17.2    | 241121317212 | Hồ Thị Minh Huyền      | 27/05/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương                   | 2          |         |
| 95  | 50K18.1    | 241121018140 | Uông Quỳnh Như         | 04/09/2006 | ENG2015     | English Communication 1               | 3          |         |
| 96  | 50K18.2    | 241121018230 | Huỳnh Thị Linh My      | 19/01/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương                   | 2          |         |
| 97  | 50K18-ACCA | 241121097118 | Bùi Thảo Nguyên        | 19/11/2006 | SMT1008     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam        | 2          |         |
| 98  | 50K18-ACCA | 241121097125 | Trương Sự              | 05/08/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương                   | 2          |         |
| 99  | 50K19.1    | 241120919118 | Đặng Thị Mai Linh      | 16/05/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                         | 3          |         |
| 100 | 50K19.1    | 241120919124 | Huỳnh Cát Ngân         | 15/08/2006 | LAW1002     | Lý luận chung Nhà nước và pháp luật 1 | 2          |         |
| 101 | 50K19.1    | 241120919124 | Huỳnh Cát Ngân         | 15/08/2006 | LAW2002     | Lý luận chung Nhà nước và pháp luật 2 | 3          |         |
| 102 | 50K19.1    | 241120919124 | Huỳnh Cát Ngân         | 15/08/2006 | SMT1005     | Triết học Mác - Lênin                 | 3          |         |
| 103 | 50K19.1    | 241120919129 | Phí Hoàng Yến Nhi      | 04/03/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                         | 3          |         |
| 104 | 50K19.1    | 241120919133 | Trương Đoàn Nhật Quỳnh | 14/05/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                         | 3          |         |
| 105 | 50K19.1    | 241120919140 | Nguyễn Kiều Trâm       | 08/06/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                         | 3          |         |

| STT | Lớp     | Mã sinh viên | Họ và tên sinh viên    | Ngày sinh  | Mã học phần | Tên học phần                   | Số tín chỉ | Ghi chú |
|-----|---------|--------------|------------------------|------------|-------------|--------------------------------|------------|---------|
| 106 | 50K19.2 | 241120919233 | Lại Thị Như Quỳnh      | 21/02/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 107 | 50K20   | 241121120113 | Lê Thúy Hiền           | 23/07/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                  | 3          |         |
| 108 | 50K20   | 241121120113 | Lê Thúy Hiền           | 23/07/2006 | MIS1002     | Tin học ứng dụng trong quản lý | 3          |         |
| 109 | 50K20   | 241121120146 | Trần Đức Tình          | 28/12/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                  | 3          |         |
| 110 | 50K20   | 241121120146 | Trần Đức Tình          | 28/12/2006 | MIS1002     | Tin học ứng dụng trong quản lý | 3          |         |
| 111 | 50K21.1 | 241121521112 | Nguyễn Thị Ngọc Hạnh   | 17/04/2006 | ENGELE1     | English Elementary 1           | 3          |         |
| 112 | 50K21.2 | 241121521216 | Nguyễn Công Quang Huy  | 05/01/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                  | 3          |         |
| 113 | 50K21.2 | 241121521232 | Nguyễn Thị Ngọc Nhi    | 16/06/2005 | LAW1001     | Pháp luật đại cương            | 2          |         |
| 114 | 50K21.2 | 241121521232 | Nguyễn Thị Ngọc Nhi    | 16/06/2005 | MGT1002     | Quản trị học                   | 3          |         |
| 115 | 50K21.2 | 241121521234 | Phạm Trần Hoài Như     | 21/09/2005 | SMT1008     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2          |         |
| 116 | 50K21.2 | 241121521234 | Phạm Trần Hoài Như     | 21/09/2005 | LAW1001     | Pháp luật đại cương            | 2          |         |
| 117 | 50K22.1 | 241124022106 | Huỳnh Ngọc Quế Châu    | 13/08/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương            | 2          |         |
| 118 | 50K22.1 | 241124022106 | Huỳnh Ngọc Quế Châu    | 13/08/2006 | SMT1005     | Triết học Mác - Lênin          | 3          |         |
| 119 | 50K22.2 | 241124022210 | Lê Quang Hiếu          | 23/11/2006 | ENGELE1     | English Elementary 1           | 3          |         |
| 120 | 50K22.2 | 241124022219 | Nguyễn Thị Kiều My     | 15/10/2006 | ENGELE1     | English Elementary 1           | 3          |         |
| 121 | 50K22.2 | 241124022222 | Võ Thị Bảo Ngọc        | 16/02/2006 | SMT1008     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2          |         |
| 122 | 50K22.2 | 241124022231 | Võ Thị Tuyết Nhung     | 08/11/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương            | 2          |         |
| 123 | 50K22.3 | 241124022303 | Nguyễn Phan Trúc Diêu  | 12/10/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 124 | 50K22.3 | 241124022320 | Phạm Thị Minh Ngân     | 01/08/2006 | MAT1001     | Toán ứng dụng trong kinh tế    | 3          |         |
| 125 | 50K22.3 | 241124022326 | Trần Thị Yến Nhi       | 04/07/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                  | 3          |         |
| 126 | 50K22.3 | 241124022332 | Phạm Thị Bảo Tâm       | 05/01/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 127 | 50K22.3 | 241124022332 | Phạm Thị Bảo Tâm       | 05/01/2006 | MAT1001     | Toán ứng dụng trong kinh tế    | 3          |         |
| 128 | 50K23.2 | 241121723205 | Phạm Phú Hoàng Gia     | 25/10/2006 | MKT2001     | Marketing căn bản              | 3          |         |
| 129 | 50K23.2 | 241121723211 | Phạm Kim Hoàng         | 20/07/2006 | ENGELE1     | English Elementary 1           | 3          |         |
| 130 | 50K23.2 | 241121723226 | Nguyễn Thị Xuân Nguyên | 06/05/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 131 | 50K23.3 | 241121723313 | Phan Thị Kim Liên      | 29/11/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương            | 2          |         |
| 132 | 50K24   | 241121424103 | Bùi Quang Duy          | 27/06/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |

| STT | Lớp     | Mã sinh viên | Họ và tên sinh viên     | Ngày sinh  | Mã học phần | Tên học phần                   | Số tín chỉ | Ghi chú |
|-----|---------|--------------|-------------------------|------------|-------------|--------------------------------|------------|---------|
| 133 | 50K24   | 241121424104 | Trần Thị Châu Giang     | 11/05/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                  | 3          |         |
| 134 | 50K25.1 | 241121325102 | Đoàn Hoài Anh           | 06/06/2006 | SMT1008     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2          |         |
| 135 | 50K25.1 | 241121325123 | Trương Lê Đan Nhi       | 18/04/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                  | 3          |         |
| 136 | 50K25.1 | 241121325123 | Trương Lê Đan Nhi       | 18/04/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 137 | 50K25.1 | 241121325123 | Trương Lê Đan Nhi       | 18/04/2006 | SMT1008     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2          |         |
| 138 | 50K25.1 | 241121325123 | Trương Lê Đan Nhi       | 18/04/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương            | 2          |         |
| 139 | 50K25.1 | 241121325123 | Trương Lê Đan Nhi       | 18/04/2006 | MAT1001     | Toán ứng dụng trong kinh tế    | 3          |         |
| 140 | 50K25.1 | 241121325125 | Nguyễn Quỳnh Như        | 09/12/2006 | SMT1008     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2          |         |
| 141 | 50K25.1 | 241121325127 | Nguyễn Thị Hồng Phúc    | 23/02/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 142 | 50K25.1 | 241121325127 | Nguyễn Thị Hồng Phúc    | 23/02/2006 | SMT1008     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2          |         |
| 143 | 50K25.1 | 241121325127 | Nguyễn Thị Hồng Phúc    | 23/02/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương            | 2          |         |
| 144 | 50K25.2 | 241121325212 | Phan Thị Thanh Hằng     | 12/02/2006 | MGT1002     | Quản trị học                   | 3          |         |
| 145 | 50K25.2 | 241121325237 | Nguyễn Thị Bảo Nhi      | 08/08/2006 | MAT1001     | Toán ứng dụng trong kinh tế    | 3          |         |
| 146 | 50K25.4 | 241121325419 | Nguyễn Thanh Khanh      | 29/08/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                  | 3          |         |
| 147 | 50K25.4 | 241121325419 | Nguyễn Thanh Khanh      | 29/08/2006 | MGT1002     | Quản trị học                   | 3          |         |
| 148 | 50K25.4 | 241121325429 | Nguyễn Thị Hồng Ngân    | 27/02/2006 | ENGELE1     | English Elementary 1           | 3          |         |
| 149 | 50K25.4 | 241121325429 | Nguyễn Thị Hồng Ngân    | 27/02/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 150 | 50K25.4 | 241121325447 | Nguyễn Thị Thanh Thảo   | 03/12/2006 | SMT1008     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2          |         |
| 151 | 50K25.4 | 241121325457 | Lê Thị Bích Trinh       | 27/10/2006 | MGT1002     | Quản trị học                   | 3          |         |
| 152 | 50K25.5 | 241121325544 | Nguyễn Thị Thanh Tâm    | 08/04/2003 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                  | 3          |         |
| 153 | 50K25.5 | 241121325555 | Đỗ Thị Thùy Trang       | 10/02/2006 | MAT1001     | Toán ứng dụng trong kinh tế    | 3          |         |
| 154 | 50K27   | 241121927108 | Lê Đức Huy Khang        | 15/11/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 155 | 50K27   | 241121927124 | Mai Thị Thi             | 05/02/2006 | ENGELE1     | English Elementary 1           | 3          |         |
| 156 | 50K27   | 241121927124 | Mai Thị Thi             | 05/02/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 157 | 50K28.1 | 241123028137 | Đặng Nguyễn Thanh Triều | 22/01/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô                  | 3          |         |
| 158 | 50K28.1 | 241123028137 | Đặng Nguyễn Thanh Triều | 22/01/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô                  | 3          |         |
| 159 | 50K28.1 | 241123028137 | Đặng Nguyễn Thanh Triều | 22/01/2006 | MKT2001     | Marketing căn bản              | 3          |         |

| STT | Lớp     | Mã sinh viên | Họ và tên sinh viên    | Ngày sinh  | Mã học phần | Tên học phần                | Số tín chỉ | Ghi chú |
|-----|---------|--------------|------------------------|------------|-------------|-----------------------------|------------|---------|
| 160 | 50K28.2 | 241123028202 | Hoàng Thị Vân Anh      | 20/08/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô               | 3          |         |
| 161 | 50K28.2 | 241123028202 | Hoàng Thị Vân Anh      | 20/08/2006 | MKT2001     | Marketing căn bản           | 3          |         |
| 162 | 50K28.2 | 241123028231 | Lê Nguyễn Anh Thư      | 19/06/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương         | 2          |         |
| 163 | 50K29.1 | 241124029132 | Nguyễn Tuyết Nhi       | 15/02/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô               | 3          |         |
| 164 | 50K29.1 | 241124029142 | Trần Lê Thủy Tiên      | 16/11/2005 | ENG2015     | English Communication 1     | 3          |         |
| 165 | 50K29.2 | 241124029232 | Trần Thị Khánh Nhi     | 01/09/2006 | ECO3042     | Toán cho khoa học dữ liệu 1 | 3          |         |
| 166 | 50K30   | 241121330106 | Nguyễn Thị Minh Diệp   | 10/10/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô               | 3          |         |
| 167 | 50K30   | 241121330108 | Bùi Thị Ánh Dương      | 11/03/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô               | 3          |         |
| 168 | 50K30   | 241121330148 | Trần Thị Bé Ty         | 07/05/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô               | 3          |         |
| 169 | 50K30   | 241121330153 | Nguyễn Nhật Vy         | 17/04/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô               | 3          |         |
| 170 | 50K31.1 | 241123031102 | Ngô Ngọc Bảo Ân        | 29/05/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô               | 3          |         |
| 171 | 50K31.1 | 241123031124 | Lê Thị Hồng Nhi        | 17/06/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô               | 3          |         |
| 172 | 50K31.1 | 241123031124 | Lê Thị Hồng Nhi        | 17/06/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương         | 2          |         |
| 173 | 50K31.1 | 241123031126 | Huỳnh Phạm Thu Phương  | 03/03/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương         | 2          |         |
| 174 | 50K31.1 | 241123031130 | Hồ Thị Anh Thi         | 08/03/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô               | 3          |         |
| 175 | 50K31.1 | 241123031130 | Hồ Thị Anh Thi         | 08/03/2006 | LAW1001     | Pháp luật đại cương         | 2          |         |
| 176 | 50K31-E | 241123098111 | Lê Hoàng Thị Trúc Lâm  | 18/12/2006 | ENG2018     | English Composition B2      | 3          |         |
| 177 | 50K31-E | 241123098131 | Phan Võ Tú Uyên        | 30/04/2006 | SMT1005     | Triết học Mác - Lênin       | 3          |         |
| 178 | 50K32.1 | 241121132125 | Mai Thị Diễm My        | 22/03/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô               | 3          |         |
| 179 | 50K32.1 | 241121132128 | Nguyễn Thị Thảo Nguyên | 11/09/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô               | 3          |         |
| 180 | 50K32.2 | 241121132207 | Nguyễn Thị Hoàng Diệp  | 10/12/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô               | 3          |         |
| 181 | 50K32.2 | 241121132249 | Phan Vũ Trúc           | 06/04/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô               | 3          |         |
| 182 | 50K32.2 | 241121132252 | Nguyễn Thị Thúy Vi     | 06/06/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô               | 3          |         |
| 183 | 50K32.3 | 241121132307 | Huỳnh Thị Tâm Đoan     | 25/09/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô               | 3          |         |
| 184 | 50K32.3 | 241121132341 | Cao Uyên Thực          | 08/08/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô               | 3          |         |
| 185 | 50K33   | 241122033119 | Phạm Thị Hoài Ngọc     | 14/08/2006 | ECO1001     | Kinh tế vĩ mô               | 3          |         |
| 186 | 50K33   | 241122033129 | Nguyễn Lê Hồng Quyên   | 29/01/2006 | MKT2001     | Marketing căn bản           | 3          |         |

| STT | Lớp   | Mã sinh viên | Họ và tên sinh viên       | Ngày sinh  | Mã học phần | Tên học phần          | Số tín chỉ | Ghi chú |
|-----|-------|--------------|---------------------------|------------|-------------|-----------------------|------------|---------|
| 187 | 50K33 | 241122033129 | Nguyễn Lê Hồng      Quyên | 29/01/2006 | SMT1005     | Triết học Mác - Lênin | 3          |         |
| 188 | 50K33 | 241122033147 | Đinh Thị Ánh      Tuyết   | 03/01/2006 | MGT1001     | Kinh tế vi mô         | 3          |         |

(Danh sách này có 188 trường hợp phúc khảo)